TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN VÂN ĐỒN** **TỈNH QUẢNG NINH**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 14/2023/HNGĐ- ST
Ngày 06/12/2023
"V/v ly hôn, tranh chấp về nuôi con"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN VÂN ĐỒN, TỈNH QUẢNG NINH

- ***Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:***
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: ông Phạm Thanh Hoàng
Các Hội thẩm nhân dân: - Bà Hoàng Thị Ngọc Lan.
- Ông Nguyễn Thành Định.

- ***Thư ký phiên tòa***: bà Tăng Thị Thủy - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Vân Đồn, tỉnh Quảng Ninh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Vân Đồn tham gia phiên tòa: bà Trương Thị Thu Hiền - Kiểm sát viên.

Trong ngày 06/12/2023, tại Hội trường xét xử Tòa án nhân dân huyện Vân Đồn, tỉnh Quảng Ninh xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 33/2023/TLST- HNGĐ ngày 10/10/2023 về việc *"Ly hôn, tranh chấp về nuôi con"* theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 14/2023/QĐXXST- HNGĐ ngày 14/11/2023; quyết định hoãn phiên Tòa số 12/2023/QĐST –HNGĐ ngày 29/11/2023, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: chị Nguyễn Thị T; sinh năm 1987; địa chỉ: thôn Đ, xã Đ, huyện V, tỉnh Quảng Ninh; vắng mặt (có đơn xin vắng mặt).

- Bị đơn: anh Nguyễn Văn K; sinh năm 1987; địa chỉ: thôn Đ, xã Đ, huyện V, tỉnh Quảng Ninh. vắng mặt (không có lý do).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện cũng như quá trình giải quyết vụ án và tại đơn xin xét xử vắng mặt, nguyên đơn chị Nguyễn Thị T trình bày:

Chị và anh Nguyễn Văn K kết hôn với nhau năm 2008 và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Đ, huyện Vân Đồn trên cơ sở hoàn toàn tự nguyện. Sau khi kết hôn hai vợ chồng chung sống hạnh phúc đến năm 2011 thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân mâu thuẫn là do hai vợ chồng không hợp nhau về mọi mặt trong cuộc sống, bất đồng quan điểm sống, vợ chồng thường xuyên xô xát cãi vã nhau. Hai vợ chồng đã sống ly thân từ năm 2018 cho đến nay không ai quan tâm tới ai. Hai bên gia đình nội, ngoại cũng đã tham gia góp ý và hòa giải, nhưng chị và anh K không khắc phục mâu thuẫn đoàn tụ gia đình được. Đến nay tình

cảm vợ chồng giữa chị và anh K không còn, chị đề nghị Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn với anh K.

Về con chung: chị và anh Nguyễn Văn K có 02 con chung là Nguyễn Đức D – sinh ngày 30/8/2008; Nguyễn Thị Hà A – sinh ngày 10/7/2015. Khi ly hôn, chị yêu cầu được trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục 02 con chung cho đến khi con thành niên. Chị không yêu cầu anh K phải cấp dưỡng nuôi 02 con chung. Hiện chị có công việc và thu nhập ổn định khoảng 10 đến 15 triệu đồng/tháng đảm bảo để nuôi dưỡng, giáo dục các con chung một cách tốt nhất.

Về tài sản, vay nợ chung: chị và anh Nguyễn Văn K không có tài sản chung và không có vay nợ chung, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Đối với bị đơn anh Nguyễn Văn K, trong quá trình giải quyết vụ án Tòa án nhân dân huyện Vân Đồn đã triệu tập hợp lệ nhiều lần đến trụ sở Tòa án để giải quyết yêu cầu xin ly hôn của chị Nguyễn Thị T với anh, nhưng anh K đều vắng mặt không có lý do, không tham gia tố tụng, không thực hiện quyền và nghĩa vụ tố tụng dân sự.

Tại biên bản lấy lời khai ngày 10/11/2023, ông Lã Ngọc Hoằng trưởng thôn Đ, xã Đ, huyện Vân Đồn nơi vợ chồng chị T và anh K cư trú sinh sống có lời khai thể hiện việc: vợ chồng chị T, anh K cư trú sinh sống tại thôn Đ, cuộc sống vợ chồng như thế nào ông không biết do không ở gần nhà. Về con chung chị T và ông bà nội các cháu (gia đình ông Nguyễn Văn Nấng) là người thường xuyên chăm sóc, đưa đón các cháu đi học hàng ngày.

Tại biên bản lấy lời khai ngày 10/11/2023, ông Nguyễn Văn N là bố đẻ của anh Nguyễn Văn K có lời khai thể hiện: ông thấy vợ chồng chị T, anh K đã sống ly thân nhiều năm nay, không ai quan tâm đến ai. Về con chung đều do ông bà và chị T thường xuyên quan tâm chăm sóc, anh K ít quan tâm chăm sóc con chung.

Tại biên bản ghi lời khai ngày 10/11/2023, cháu Nguyễn Đức D và Nguyễn Thị Hà A có nguyện vọng ở cùng mẹ là chị Nguyễn Thị T.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Vân Đồn phát biểu quan điểm về việc giải quyết vụ án:

- Về tố tụng: việc thụ lý vụ án đúng thẩm quyền, xác định đứng tư cách các đương sự tham gia tố tụng. Việc lập hồ sơ, thu thập chứng cứ của Thẩm phán đúng theo quy định. Thẩm phán được phân công thụ lý giải quyết vụ án đã đảm bảo đúng quy định về thời hạn chuẩn bị xét xử. Tại phiên tòa, Hội đồng xét xử, Thư ký đã tuân theo đúng các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự về việc xét xử sơ thẩm vụ án. Nguyên đơn đã chấp hành pháp luật trong quá trình giải quyết vụ án và được đảm bảo quyền, nghĩa vụ theo quy định tại Điều 70, 71 Bộ luật tố tụng dân sự; bị đơn được đảm bảo quyền, nghĩa vụ theo quy định tại Điều 70, 72 Bộ luật tố tụng dân sự nhưng chưa chấp hành quy định trong quá trình giải quyết vụ án.

- Về nội dung: căn cứ vào các tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ vụ án và đã được Hội đồng xét xử xem xét tại phiên tòa, căn cứ khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 56, các Điều 81, 82, 83 Luật hôn nhân và gia đình, khoản 1, điểm b khoản 2 Điều 227; khoản 1 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự: chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn chị Nguyễn Thị T; chị T được ly hôn anh Nguyễn Văn K. Giao con chung Nguyễn Đức Duy và Nguyễn Thị Hà Anh cho chị T nuôi dưỡng, chăm sóc cho đến khi thành niên (đủ 18 tuổi), anh K không phải cấp dưỡng nuôi con chung.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng: bị đơn là anh Nguyễn Văn K có nơi cư trú tại xã Đ, huyện Vân Đồn, tỉnh Quảng Ninh, nên yêu cầu xin ly hôn của chị Nguyễn Thị T thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Vân Đồn theo quy định tại khoản 1 Điều 28, Điều 35, Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự. Bị đơn anh Nguyễn Văn K đã được Tòa án tống đạt hợp lệ đến lần thứ hai nhưng vắng mặt tại phiên tòa, không có lý do; chị Nguyễn Thị T có đơn xin xét xử vắng mặt. Theo quy định tại khoản 1, điểm b khoản 2 Điều 227; khoản 1 Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự, Toà án tiến hành xét xử vụ án vắng mặt chị Nguyễn Thị T và anh Nguyễn Văn K.

[2] Về quan hệ hôn nhân: chị Nguyễn Thị T và anh Nguyễn Văn K kết hôn với nhau vào năm 2008 và đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Đ, huyện Vân Đồn là hôn nhân hợp pháp. Trong quá trình chung sống nảy sinh nhiều mâu thuẫn, chị T cho rằng nguyên nhân do vợ chồng không hợp nhau về mọi mặt trong cuộc sống, thường xuyên xung đột cãi vã nhau. Chị T và anh K đã nhiều lần nói chuyện, cùng nhau khắc phục mâu thuẫn, hàn gắn tình cảm vợ chồng nhưng mâu thuẫn vợ chồng vẫn không thay đổi, mâu thuẫn vợ chồng không thể khắc phục được. Từ năm 2015 cho đến nay mâu thuẫn vợ chồng rất trầm trọng, anh chị sống ly thân không còn quan tâm đến nhau. Đến nay chị T đề nghị được ly hôn anh Nguyễn Văn K vì tình cảm vợ chồng không còn.

Quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã nhiều lần tiến hành triệu tập anh K tham gia tố tụng để hòa giải, hàn gắn tình cảm vợ chồng giữa chị T và anh K nhưng anh K đều vắng mặt. Điều đó thể hiện sự không hợp tác trong việc hàn gắn tình cảm vợ chồng của bị đơn anh Nguyễn Văn K.

Tại biên bản lấy lời khai ngày 10/11/2023 ông Nguyễn Văn Nấng (bố đẻ anh Nguyễn Văn K) cho biết vợ chồng chị T và anh K đã sống ly thân, không ai quan tâm đến ai. Anh K thường đi làm ăn xa không quan tâm đến con chung.

Hội đồng xét xử xét thấy mâu thuẫn vợ chồng giữa chị T và anh K đã trầm trọng, không có biện pháp khắc phục, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích

hôn nhân không đạt được, thực tế cuộc sống chung không còn, yêu cầu của chị T xin được ly hôn anh K là có căn cứ, phù hợp khoản 1 Điều 51 và Điều 56 của Luật Hôn nhân và gia đình nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

[3] Về con chung: Anh, chị có 02 con chung là Nguyễn Đức Duy – sinh ngày 30/8/2008; Nguyễn Thị Hà Anh – sinh ngày 10/7/2015. Chị T có nguyện vọng là người trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục 02 con chung cho đến khi khi thành niên (đủ 18 tuổi). Chị không yêu cầu anh K phải cấp dưỡng nuôi 02 con chung.

Xét thấy anh K vắng mặt trong suốt quá trình giải quyết vụ án nên không rõ quan điểm của anh về việc nuôi dưỡng con chung. Chị T hiện là lao động tự do, thu nhập đảm bảo điều kiện chăm sóc con chung. Mặt khác yêu cầu của chị T phù hợp với nguyện vọng của các con chung nên căn cứ vào Điều 81; Điều 82; Điều 83 Luật hôn nhân và gia đình thấy có cơ sở chấp nhận yêu cầu của chị Yến, giao 02 con chung cho chị T trực tiếp nuôi dưỡng để đảm bảo lợi ích toàn diện của các con.

Về cấp dưỡng nuôi con: chị T không yêu cầu anh K phải cấp dưỡng nuôi 02 con chung nên Hội đồng xét xử không xét.

[4] Về tài sản, vay nợ chung: chị Nguyễn Thị T và anh Nguyễn Văn K không có tài sản chung và vay nợ chung, không yêu cầu Tòa án giải quyết, Hội đồng xét xử không xét.

[5]Về án phí: chị Nguyễn Thị T phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

[6] Về quyền kháng cáo: các đương sự có quyền kháng cáo bản án theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ: Khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147, khoản 1, điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 1 Điều 228, Điều 271 và Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự; khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 56, Điều 57, Điều 81, Điều 82 và Điều 83 của Luật Hôn nhân và gia đình; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử: chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn chị Nguyễn Thị T về việc "ly hôn, tranh chấp nuôi con".

- Về quan hệ hôn nhân: chị Nguyễn Thị T được ly hôn anh Nguyễn Văn K.

- Về con chung: giao hai con chung Nguyễn Đức D – sinh ngày 30/8/2008 và Nguyễn Thị Hà A – sinh ngày 10/7/2015 cho chị Nguyễn Thị T trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục đến khi thành niên (đủ 18 tuổi). Anh Nguyễn Văn K không phải cấp dưỡng nuôi con chung và có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung, không ai được cản trở. Người trực tiếp nuôi con cùng các thành viên trong gia đình không được cản trở người không trực tiếp nuôi con trong việc thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung.

- Về án phí: chị Nguyễn Thị T phải chịu 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) án phí ly hôn sơ thẩm, được trừ vào số tiền 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) đã nộp theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí số 0004056, ngày 10/10/2023, của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Vân Đồn, tỉnh Quảng Ninh. Chị Nguyễn Thị T đã nộp đủ án phí dân sự sơ thẩm.

Án xử công khai sơ thẩm, vắng mặt các đương sự, báo cho các đương sự biết có quyền kháng cáo trong hạn 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật./.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Quảng Ninh.
- VKSND huyện Vân Đồn;
- Chi cục THADS huyện Vân Đồn;
- UBND xã Đ, huyện Vân Đồn, tỉnh Quảng Ninh;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ; VP.

TM. HỘI ĐỒNG XET XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Phạm Thanh Hoàng